

Số: 12/QĐ-MNTQ

Gia lâm, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2022
của Trường Mầm non Thị trấn Trâu Quỳ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẤN TRÂU QUỲ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 8456/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường Mầm non Thị trấn Trâu Quỳ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách giao bổ sung năm 2022 của Trường Mầm non Thị trấn Trâu Quỳ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Kế toán - Tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Thị trấn Trâu Quỳ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Diệu Anh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường mầm non thị trấn Trâu Quỳ

Chương: 622

BỔ SUNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 12/2022-MNTTTQ ngày 20/12/2022 của Trường Mầm non TT Trâu Quỳ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán được giao
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
B	DỰ TOÁN CHI NSNN	425.132.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục	425.132.000
3,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên	0
	KP tiết kiệm 10% CCTL	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chè nước CBCC	
	Thanh toán dịch vụ công cộng	
	Vật tư văn phòng	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	425.132.000
7766	Cấp bù học phí	425.132.000

Ngày 20 tháng 12 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Diệu Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8456 /QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH**Về việc điều chỉnh, giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2022****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 4518/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách cấp Thành phố Hà Nội năm 2022; số 5032/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 về việc bổ sung dự toán từ nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu về ngân sách Thành phố để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo quy định tại Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Gia Lâm: số 8899/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của huyện Gia Lâm; số 5795/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 về việc phân bổ, giao kinh phí chi thường xuyên năm 2022 và số 6826/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 về việc điều chỉnh, giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2022;

Căn cứ công văn số 126/HĐND-KTXH ngày 16/12/2022 của Thường trực HĐND huyện Gia Lâm;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gia Lâm tại Tờ trình số 5499/TTr-TCKH ngày 12/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2022 cho các đơn vị, cụ thể:

1. Giao bổ sung kinh phí chi thường xuyên năm 2022 từ nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện, số tiền 2.290.242.000 đồng.
2. Điều chỉnh nguồn kinh phí đã giao
 - Điều chỉnh giảm nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện năm 2022: 5.151.000.000 đồng.
 - Điều chỉnh tăng nguồn kinh phí mục tiêu Thành phố: 20.900.704.000 đồng.

(Chi tiết Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Đơn vị được điều chỉnh nguồn kinh phí và bổ sung kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND - UBND Huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gia Lâm, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại điều 1 và Trưởng các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HU - TT HĐND - UBND Huyện;
- Lưu: VT. *hlt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Signature]
Đặng Thị Huyền

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỐ 02

**KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÂN CHÊNH LỆCH GIỮA MỨC HỌC PHÍ THEO QUY ĐỊNH VÀ
MỨC HỌC PHÍ THỰC TẾ HỌC SINH PHẢI NỘP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**
(Theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND
ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố Hà Nội)

(Kèm theo Quyết định số: 8456/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Gia Lâm)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí giao	Trong đó		Ghi chú
			Hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2022/NQ- HĐND ngày 12/9/2022	Hỗ trợ theo Nghị quyết số 18/2022/NQ- HĐND ngày 12/9/2022	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	Tổng cộng	10 696 704 000	10 688 264 000	8 440 000	
I	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	529 916 000	529 916 000		C799-K075
II	Khối Trường Mầm non	3 695 100 000	3 693 652 000	1 448 000	C622-K071
1	Trường MN Trâu Quỳ	425 132 000	425 132 000		
2	Trường MN Quang Trung	281 908 000	281 908 000		
3	Trường MN TT Y.Viên	382 636 000	382 636 000		
1	Trường MN Kiều Ky	103 728 000	103 728 000		
2	Trường MN Văn Đức	94 576 000	94 480 000	96 000	
3	Trường MN Kim Lan	77 992 000	77 992 000		
4	Trường MN Đa Tốn	170 952 000	170 952 000		
5	Trường MN Phú Thị	96 416 000	96 340 000	76 000	
6	Trường MN Đông Dư	84 392 000	84 296 000	96 000	
7	Trường MN Bát Tràng	113 056 000	113 056 000		
8	Trường MN Hoa Phượng	82 264 000	82 264 000		
9	Trường MN Lệ Chi	133 992 000	133 916 000	76 000	
10	Trường MN D.Quang	139 712 000	139 560 000	152 000	
11	Trường MN Kim Sơn	139 928 000	139 624 000	304 000	
12	Trường MN Dương Xá	125 168 000	125 168 000		
13	Trường MN Đặng Xá	109 064 000	109 064 000		
14	Trường MN Ánh Sao	114 168 000	114 168 000		
15	Trường MN Cổ Bi	110 352 000	110 352 000		
16	Trường MN Trung Mậu	66 960 000	66 732 000	228 000	
17	Trường MN Phù Đồng	150 032 000	149 880 000	152 000	
18	Trường MN Đình Xuyên	121 984 000	121 984 000		
19	Trường MN Dương Hà	77 360 000	77 264 000	96 000	
20	Trường MN Ninh Hiệp	115 432 000	115 432 000		
21	Trường MN Bình Minh	100 080 000	100 080 000		
22	Trường MN Yên Thường	91 552 000	91 552 000		
23	Trường MN Hoa Hồng	83 720 000	83 720 000		

STT	Đơn vị	Kinh phí giao	Trong đó		Ghi chú
			Hỗ trợ theo Nghị quyết số 17/2022/NQ- HĐND ngày 12/9/2022	Hỗ trợ theo Nghị quyết số 18/2022/NQ- HĐND ngày 12/9/2022	
24	Trường MN Hoa Sữa	102 544 000	102 372 000	172 000	
III	Khối Trường THCS	6 471 688 000	6 464 696 000	6 992 000	C622-K073
1	Trường THCS Trâu Quỳ	1 145 520 000	1 145 520 000		
2	Trường THCS TT Yên Viên	1 252 968 000	1 252 968 000		
3	Trường THCS Kiều Kỵ	219 040 000	218 736 000	304 000	
4	Trường THCS Văn Đức	124 256 000	123 876 000	380 000	
5	Trường THCS Kim Lan	86 056 000	86 056 000		
6	Trường THCS Đa Tốn	282 928 000	282 472 000	456 000	
7	Trường THCS Đông Dư	101 680 000	101 680 000		
8	Trường THCS Bát Tràng	146 816 000	146 816 000		
9	Trường THCS Đình Xuyên	136 952 000	136 648 000	304 000	
10	Trường THCS Ninh Hiệp	335 248 000	335 172 000	76 000	
11	Trường THCS Trung Mậu	90 680 000	90 148 000	532 000	
12	Trường THCS Phù Đồng	226 144 000	225 308 000	836 000	
13	Trường THCS Yên Thường	317 056 000	316 448 000	608 000	
14	Trường THCS Yên Viên	119 440 000	119 288 000	152 000	
15	Trường THCS Dương Hà	115 824 000	115 444 000	380 000	
16	Trường THCS Dương Quang	221 720 000	221 340 000	380 000	
17	Trường THCS Lệ Chi	183 536 000	182 776 000	760 000	
18	Trường THCS Phú Thị	182 032 000	182 032 000		
19	Trường THCS Kim Sơn	214 000 000	212 784 000	1 216 000	
20	Trường THCS Dương Xá	247 408 000	247 256 000	152 000	
21	Trường THCS Đặng Xá	159 864 000	159 712 000	152 000	
22	Trường THCS Cổ Bi	257 480 000	257 176 000	304 000	
23	Trường THCS Cao Bá Quát	305 040 000	305 040 000		